

Tên TCTGBHTG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Số CV:.....)

....., ngàytháng năm.....

BẢNG KÊ SỐ DƯ TIỀN GỬI BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM

Quý.....năm.....

(Áp dụng cho các trường hợp tính, thu phí BHTG định kỳ hằng quý)

Đơn vị: Đồng

ST T	Chỉ tiêu	Số liệu tại thời điểm đầu quý trước c	Số liệu cuối tháng g thứ nhất của quý trước c	Số liệu cuối tháng g thứ hai của quý trước c	Số liệu tại thời điểm cuối quý trước c	Gh i ch ú
1	Tiền gửi của khách hàng trong nước (tài khoản 421)					
1.1	Tiền gửi không kỳ hạn (tài khoản 4211)					
	Tiền gửi của khách hàng cá nhân					
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn (tài khoản 4212)					
	Tiền gửi của khách hàng cá nhân					
1.3	Tiền gửi vốn chuyên dùng (tài khoản 4214)					
	Tiền gửi của khách hàng cá nhân					
2	Tiền gửi tiết kiệm của khách hàng (tài khoản 423)					
2.1	Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn (tài khoản 4231)					
2.2	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (tài khoản 4232)					
2.3	Tiền gửi tiết kiệm khác (tài khoản 4238)					
3	Tiền gửi của khách hàng nước ngoài (tài khoản 425)					
3.1	Tiền gửi không kỳ hạn (tài khoản 4251)					
	Tiền gửi của khách hàng cá nhân					
3.2	Tiền gửi có kỳ hạn (tài khoản 4252)					
	Tiền gửi của khách hàng cá nhân					

3.3	Tiền gửi vốn chuyên dùng (tài khoản 4254)					
	Tiền gửi của khách hàng cá nhân					
4	Mệnh giá giấy tờ có giá (tài khoản 431)					
	Phát hành cho khách hàng cá nhân					
5	Tổng số tiền gửi của khách hàng cá nhân khác *					
6	Tổng số tiền gửi VNĐ của khách hàng cá nhân					
7	Tổng số tiền gửi không được bảo hiểm của cá nhân					
8	Số tiền gửi của cá nhân được bảo hiểm					
9	Tổng số người gửi tiền được bảo hiểm (đơn vị: người)					
10	Tổng số tài khoản tiền gửi được bảo hiểm (đơn vị: tài khoản) **					

Đại diện hợp pháp của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn lập mẫu biểu

Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không lập mẫu biểu này.

1. Thời điểm dữ liệu: Số liệu tại thời điểm đầu quý và cuối từng tháng của quý trước liền kề quý thu phí.

2. Định kỳ báo cáo: Định kỳ hằng quý

3. Thời hạn báo cáo: Chậm nhất ngày 15 của tháng đầu quý thu phí

4. Phương thức báo cáo: Điện tử và văn bản

(*) Tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm khác là tổng của các số dư tiền gửi được bảo hiểm có phát sinh ở các tài khoản khác có tính chất đặc thù riêng của từng đơn vị (tài khoản tiền gửi được bảo hiểm của cá nhân bị tạm đóng và được chuyển qua tài khoản khác vì không phát sinh giao dịch; tài khoản tiền gửi được bảo hiểm của cá nhân đang tạm treo tại một tài khoản khác vì nhiều lý do (kỹ thuật, quy định nội bộ của đơn vị); sản phẩm hoặc dịch vụ tiền gửi mới, vv...). Tổ chức tài chính vi mô kê khai số tiền gửi được bảo hiểm của đơn vị vào mục này.

(**) Không liệt kê các tài khoản tiền gửi được bảo hiểm có số dư bằng 0 vào chỉ tiêu số 10 (Tổng số tài khoản tiền gửi được bảo hiểm)

Lưu ý:

- Thời điểm áp dụng mẫu biểu: Từ ngày 01 tháng 11 năm 2026. Trước thời điểm này, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thực hiện cung cấp thông tin chi tiết về tiền gửi được bảo hiểm theo hướng dẫn của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.